

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, kỹ thuật khăn trải bàn, động não
- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút) - Giáo viên tổ chức trò chơi “Thi ai nói nhanh” : Giáo viên yêu cầu học sinh nói lại tên 5 bài đã học về chủ đề con người và sức khỏe. Bài học hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em học bài: “Ôn tập: Con người và sức khỏe” . - Giáo viên ghi tựa bài lên bảng.	- Học sinh tham gia chơi - Lắng nghe. - Mở sách giáo khoa, 1 vài học sinh nhắc lại tên bài.
2. HĐ hình thành kiến thức mới: (25 phút) *Mục tiêu: - Học sinh xem tranh nói được tên các cơ xương và khớp xương. - Học sinh nói được về cơ quan tiêu hóa và vận động *Cách tiến hành:	
Việc 1: HĐ cá nhân - Nhóm 4 - cả lớp Trò chơi xem cử động, nói tên các cơ xương và khớp xương. Mục tiêu: Học sinh xem tranh nói được tên các cơ xương và khớp xương. Cách tiến hành: *Hoạt động theo nhóm: Tổ chức cho học sinh chơi trò chơi: “Con voi” . - Giáo viên yêu cầu học sinh hát và làm theo lời bài hát: “Trông đằng xa kia có cái con chi to ghê. Vuông vuông giống như xe hơi lăn lăn bánh xe đi chơi. À thì ra con voi. vậy mà tôi nghĩ ngợi hoài. Đằng sau có một cái đuôi và một cái đuôi trên đầu”. *Thi đua giữa các nhóm thực hiện trò chơi “Xem cử động nói tên các cơ xương và khớp xương” - Giáo viên theo dõi nhận xét sau mỗi lần học sinh chơi xong. Sau đó tổng kết phát thưởng. Việc 2: HĐ nhóm 4 - cả lớp Trò chơi “Thi hùng biện”. Mục tiêu: Học sinh nói được về cơ quan	- Học sinh vừa hát vừa múa minh họa. - Đại diện mỗi nhóm lên thực hiện một số động tác, cả lớp theo dõi. - Học sinh lắng nghe.

<p>tiêu hóa và vận động</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>*Giáo viên chuẩn bị sẵn một số thăm ghi các câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm cử đại diện lên bốc thăm cùng một lúc. - Câu hỏi được đưa về nhóm để cùng chuẩn bị, sau đó nhóm cử một bạn lên trình bày. <p>*Các học sinh được cử lên trình bày sẽ cùng lên ngồi trước lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi nhóm sẽ cử đại diện vào ban giám khảo để chấm xem ai trả lời đúng và hay. - Giáo viên làm trọng tài để đưa ra nhận xét cuối cùng, nhóm nào có nhiều lần thắng cuộc sẽ được khen thưởng. <p><u>Câu hỏi gợi ý:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chúng ta cần ăn uống và vận động như thế nào để khỏe mạnh và chóng lớn? - Tại sao phải ăn uống sạch sẽ? - Làm thế nào để phòng bệnh giun? <p>*GV kết luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên hỏi lại các kiến thức đã học trong chương sức khỏe và con người. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lắng nghe phổ biến luật chơi. - Học sinh thi hùng biện. - Học sinh trả lời. - Học sinh nêu.
<p>4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết dạy. - Để cơ thể được khỏe mạnh em cần làm những điều gì? 	
<p>5. HĐ sáng tạo: (1 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cùng gia đình có thói quen ăn sạch uống sạch và ở sạch. - Về nhà cùng gia đình thực hiện nghiêm túc việc tập thể dục buổi sáng hằng ngày - Giáo viên nhận xét tiết học. - Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Xem trước bài: Gia đình 	

Thứ tư ngày 6 tháng 11 năm 2019

LUYỆN TỪ VÀ CÂU:

MỞ RỘNG VÔN TỪ: TỪ NGỮ VỀ HỌ HÀNG. DẤU CHẤM, DẤU CHẤM HỎI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Tìm được một số từ ngữ chỉ người trong gia đình, họ hàng (BT1, BT2); xếp đúng từ chỉ người trong gia đình, họ hàng mà em biết vào hai nhóm họ nội, họ ngoại (BT3).
- Điền đúng dấu chấm, dấu chấm hỏi vào đoạn văn có chỗ trống (BT4).

2. Kỹ năng: Giúp học sinh mở rộng vốn từ ngữ của mình, rèn kỹ năng dùng dấu câu: dấu chấm, dấu chấm hỏi.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Ngôn ngữ; Văn học; Thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, 4 tờ giấy roki, bút dạ, bảng phụ ghi nội dung bài tập 4.

- Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân, nhóm 4

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3 phút)	
<p>- TBHT điều hành trò chơi: <i>Truyền điện</i> +Nội dung: Kể tên những người có quan hệ họ hàng với mình</p> <p>- Giáo viên tổng kết trò chơi, nhận xét, tuyên dương học sinh.</p> <p>- Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng: Mở rộng vốn từ: từ ngữ về họ hàng. Dấu chấm, dấu chấm hỏi</p>	<p>- Học sinh tham gia chơi. -HS nhận xét</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- Học sinh mở sách giáo khoa và vở Bài tập</p>
2. HĐ thực hành (27 phút)	
<p>*Mục tiêu:</p> <p>- Tìm được một số từ ngữ chỉ người trong gia đình, họ hàng (BT1, BT2); xếp đúng từ chỉ người trong gia đình, họ hàng mà em biết vào hai nhóm họ nội, họ ngoại (BT3).</p> <p>- Điền đúng dấu chấm, dấu chấm hỏi vào đoạn văn có chỗ trống (BT4).</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài tập 1 (miệng): Làm việc cả lớp</p> <p>- Yêu cầu học sinh đọc thầm truyện <i>Sáng kiến của bé Hà</i> tìm và viết ra giấy nháp những từ chỉ người trong họ hàng gia đình.</p> <p>- Giáo viên ghi bảng những từ học sinh nêu.</p> <p>- Giáo viên nhận xét.</p> <p>- Yêu cầu học sinh nhắc lại.</p> <p>Bài tập 2: Làm việc cá nhân - cặp đôi - cả lớp</p> <p>- Gọi học sinh nêu yêu cầu của bài tập.</p> <p>-Yêu cầu học sinh thảo luận cặp đôi thời gian 2’</p>	<p>- 1 học sinh đọc yêu cầu của bài.</p> <p>- Học sinh nêu: bố, ông, bà, con, mẹ, cụ già, cô, chú, con cháu, cháu.</p> <p>- Quan sát.</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- Học sinh nhắc lại.</p> <p>- 1 học sinh nêu yêu cầu của bài</p> <p>- Học sinh thảo luận cặp đôi và ghi ra bảng phụ.</p> <p>- Học sinh đính bảng phụ lên</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp và giáo viên nhận xét bổ sung. (<i>cụ, ông, bà, cha, mẹ, chú, bác, cô, dì, thím, cậu, mợ, con dâu, con rể, cháu chắt,...</i>) Bài tập 3: Làm việc cá nhân - nhóm 4 - cả lớp - Cho học sinh đọc yêu cầu. - Họ nội là những người họ hàng về đằng bố. - Họ ngoại là những người họ hàng về đằng mẹ. Khuyến khích học sinh tìm từ. - Cả lớp và giáo viên nhận xét, kết luận nhóm thắng cuộc. - Yêu cầu học sinh đọc lại kết quả đúng. Bài tập 4: Làm việc cá nhân - cả lớp - Gọi 1 học sinh đọc yêu cầu. - Giáo viên phát giấy khổ to cho 3 học sinh. - Yêu cầu lớp nhận xét bài 3 học sinh trên bảng. - Gọi học sinh đọc lại truyện vui. - Truyện này buồn cười ở chỗ nào? <p><i>Theo dõi, giúp đỡ đối tượng MI hoàn thành BT</i></p>	<p>bảng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc kết quả đúng. - Nêu yêu cầu của bài tập 3. - Lắng nghe. - Học sinh thảo luận nhóm 4 thời gian 3'. Sau đó 3 nhóm lên bảng thi tiếp sức. - Học sinh đọc kết quả đúng. - Đọc yêu cầu và truyện vui. - Học sinh làm bài cá nhân vào giấy, vào vở. - Những học sinh làm giấy dán lên bảng. - Cả lớp nhận xét bổ sung. - 2 học sinh đọc lại truyện vui. - Học sinh nêu.
<p>3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi lại những điều cần nhớ. + Gia đình em gồm những ai? Em trai của bố thì em gọi thế nào? + Gia đình ông bà ngoại em gồm những ai? Chị gái của mẹ thì em gọi thế nào? - Nhận xét tiết học. Tuyên dương những học sinh có tinh thần học tập tốt. 	
<p>4. HĐ sáng tạo: (2 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Viết một đoạn văn khoảng 3 – 5 câu (chủ đề về gia đình, có một câu hỏi trong đoạn văn) - Nhắc nhở học sinh về nhà xem lại bài đã làm, kể lại truyện vui cho người thân nghe. 	

TẬP VIẾT: CHỮ HOA H

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Viết đúng chữ hoa **H** (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: **Hai** (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), **Hai sương một nắng** (3 lần)

2. Kỹ năng: Hiểu nội dung câu ứng dụng: **Hai sương một nắng** nói về sự vất vả, đức tính chịu khó, chăm chỉ của người lao động.

3. Thái độ: Rèn tính cẩn thận, chính xác. Yêu thích luyện chữ đẹp.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Mẫu chữ (cỡ vừa), bảng phụ viết sẵn mẫu chữ, câu ứng dụng trên dòng kẻ (cỡ vừa và nhỏ).

- Học sinh: Vở Tập viết – Bảng con.


2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp.

- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
<ul style="list-style-type: none">- TBVN bắt nhịp cho lớp hát.- Viết bảng con chữ: G, Góp- Câu nói gì?- Cho học sinh xem một số vở của những bạn viết đẹp giờ trước. Nhắc nhở lớp học tập các bạn- Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng.	<ul style="list-style-type: none">- Hát bài: <i>Chữ đẹp, nét càng ngoan</i>- Viết bảng con.- 2 học sinh nhắc lại.- Học sinh quan sát và lắng nghe- Theo dõi.
2. HĐ nhận diện đặc điểm và cách viết: (10 phút) *Mục tiêu: Biết viết chữ hoa theo cỡ vừa và nhỏ, chữ trong câu ứng dụng trên bảng con. Hiểu nghĩa câu ứng dụng. *Cách tiến hành: HĐ cả lớp	
Việc 1: Hướng dẫn quan sát, nhận xét: <ul style="list-style-type: none">- Giáo viên treo chữ H hoa (đặt trong khung)- GV hướng dẫn học sinh quan sát, nhận xét:  <ul style="list-style-type: none">+ Chữ H hoa cao mấy li?+ Chữ hoa H gồm mấy nét? Đó là những nét nào? Việc 2: Hướng dẫn viết: <ul style="list-style-type: none">- Nhắc lại cấu tạo nét chữ: Chữ hoa H gồm 3 nét: Nét 1 là kết hợp của 2 nét cơ bản: cong trái và lượn ngang; nét 2 là kết hợp của 3 nét cơ bản: khuyết ngược, khuyết xuôi và móc phải; nét 3 là nét thẳng đứng.- Nêu cách viết chữ.- Giáo viên viết mẫu chữ H cỡ vừa trên bảng	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh quan sát.- Học sinh chia sẻ cặp đôi-> Thống nhất trước lớp+ Cao 5 li.+ Chữ hoa H gồm 3 nét: Nét 1 là kết hợp của 2 nét cơ bản: cong trái và lượn ngang; nét 2 là kết hợp của 3 nét cơ bản: khuyết ngược, khuyết xuôi và móc phải; nét 3 là nét thẳng đứng.- Học sinh lắng nghe.- Học sinh lắng nghe, ghi nhớ.- Quan sát và thực hành.

<p>lớp, hướng dẫn học sinh viết trên bảng con.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét uốn nắn cho học sinh cách viết các nét. <p>Việc 3: Hướng dẫn viết câu ứng dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giới thiệu câu ứng dụng. - Gọi học sinh đọc câu ứng dụng. - Giúp học sinh hiểu nghĩa câu ứng dụng: “Hai swong một nắng” nói về sự vất vả, đức tính chịu khó, chăm chỉ của người lao động. - Hướng dẫn học sinh quan sát nhận xét: <ul style="list-style-type: none"> + Các chữ H, g cao mấy li? + Con chữ t cao mấy li? + Những con chữ nào có độ cao bằng nhau và cao mấy li? + Đặt dấu thanh ở những chữ cái nào? + Khoảng cách giữa các chữ như thế nào? <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên viết mẫu chữ H (cỡ vừa và nhỏ). - Luyện viết bảng con chữ H - Giáo viên theo dõi, uốn nắn. Lưu ý học sinh cách viết liền mạch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe. - Quan sát - Học sinh đọc câu ứng dụng - Lắng nghe <p><i>*Dự kiến ND chia sẻ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Cao 2 li rưỡi. + Cao 1 li rưỡi. + Các chữ a, i, u, o, n, ô, ă có độ cao bằng nhau và cao 1 li. + Dấu nặng đặt dưới con chữ ô trong chữ một và dấu sắc trên con chữ ă trong chữ nắng. + Khoảng cách giữa các chữ rộng bằng khoảng 1 con chữ. - Quan sát. - Học sinh viết chữ H trên bảng con. - Lắng nghe và thực hiện
<p>3. HĐ thực hành viết trong vở: (15 phút)</p> <p>*Mục tiêu: Học sinh trình bày đúng và đẹp nội dung trong vở tập viết.</p> <p>*Cách tiến hành: HĐ cả lớp - cá nhân</p>	
<p>Việc 1: Hướng dẫn viết vào vở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nêu yêu cầu viết: <ul style="list-style-type: none"> + 1 dòng chữ H cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ + 1 dòng chữ H cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ + 3 dòng câu ứng dụng cỡ nhỏ - Nhắc nhở học sinh tư thế khi ngồi viết và các lưu ý cần thiết. - Giáo viên lưu ý học sinh quan sát các dấu chấm trên dòng kẻ của vở là điểm đặt bút. <p>Việc 2: Viết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu học sinh viết bài, từng dòng theo hiệu lệnh của giáo viên. - Theo dõi, giúp đỡ học sinh viết chậm. <p><i>Lưu ý quan sát, theo dõi và giúp đỡ, ...</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, lắng nghe - Lắng nghe và thực hiện - Học sinh viết bài vào vở Tập viết theo hiệu lệnh của giáo viên.
<p>4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chấm một số bài. - HS nhắc lại quy trình viết chữ H - Nhận xét, tuyên dương những học sinh viết tốt. 	

- Trưng bày một số bài đẹp cho cả lớp lên tham khảo.
- Yêu cầu học sinh nhắc lại nội dung bài học, những điểm cần ghi nhớ

5. Hoạt động sáng tạo: (2 phút)

- Viết chữ hoa “**H**” và câu “**Hai swong một nắng**” kiểu chữ sáng tạo.
- Về nhà tự luyện viết thêm cho đẹp.
- Nhận xét tiết học.
- Yêu cầu học sinh về hoàn thành nốt bài viết và tự luyện viết thêm cho đẹp.

TOÁN

11 TRỪ ĐI MỘT SỐ: 11 - 5

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết thực hiện phép trừ dạng $11 - 5$, lập được bảng 11 trừ đi một số.
- Biết giải bài toán có một phép trừ dạng $11 - 5$.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng làm tính và giải toán có một phép trừ dạng $11 - 5$.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

*Bài tập cần làm: bài tập 1 (phần a), bài tập 2, bài tập 4.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Bảng gài, que tính, sách giáo khoa.
- Học sinh: Sách giáo khoa, que tính.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, kỹ thuật động não
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3 phút)	
- CT.HĐTQ điều hành trò chơi Truyền điện +Nội dung trò chơi: Nêu kết quả của các phép tính số tròn chục trừ đi một số. - Giáo viên nhận xét, tổng kết trò chơi và tuyên dương những học sinh trả lời đúng và nhanh. - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: 11 trừ đi một số: 11 - 5	- Học sinh tham gia chơi. - HS tương tác cùng bạn - Lắng nghe. - Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.
2. HĐ hình thành kiến thức mới: (15 phút) *Mục tiêu: Biết thực hiện phép trừ dạng $11 - 5$, lập được bảng 11 trừ đi một số. *Cách tiến hành:	
Việc 1: Làm việc cả lớp Giới thiệu phép trừ $11 - 5$ - Giáo viên nêu bài toán: Có 11 que tính, bớt	- Lắng nghe.

<p>đi 5 que tính nữa. Hỏi còn lại mấy que tính?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Muốn biết còn lại mấy que tính em làm phép tính gì? - Yêu cầu học sinh thực hiện trên que tính. <p>- Vậy: $11 - 5 = ?$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học sinh nêu cách đặt tính và tính. <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh nhắc lại. <p>Việc 2: Làm việc cá nhân -> cặp đôi -> chia sẻ trước lớp</p> <p>Lập bảng trừ “11 trừ đi một số”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu sử dụng que tính để tính kết quả các phép trừ trong phần bài học. - Mời 2 em lên bảng lập công thức 11 trừ đi một số. - Yêu cầu đọc đồng thanh và đọc thuộc lòng bảng công thức. - Xóa dần các công thức trên bảng yêu cầu học thuộc lòng. <p><i>Lưu ý giúp đỡ đối tượng M1, M2</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phép trừ: $11 - 5$. - Thao tác trên que tính và đưa ra kết quả là: 6 que tính. - Bảng 6. - Học sinh nêu cách đặt tính và tính: $\begin{array}{r} 11 \\ - 5 \\ \hline 6 \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> - Vài học sinh nhắc lại. - Tự lập công thức: <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="padding: 0 10px;">$11-2=9$</td> <td style="padding: 0 10px;">$11-5=6$</td> <td style="padding: 0 10px;">$11-8=3$</td> </tr> <tr> <td style="padding: 0 10px;">$11-3=8$</td> <td style="padding: 0 10px;">$11-6=5$</td> <td style="padding: 0 10px;">$11-9=2$</td> </tr> <tr> <td style="padding: 0 10px;">$11-4=7$</td> <td style="padding: 0 10px;">$11-7=4$</td> <td style="padding: 0 10px;">$11-10=1$</td> </tr> </table> <ul style="list-style-type: none"> - Lần lượt các tổ đọc đồng thanh các công thức, cả lớp đọc đồng thanh theo yêu cầu của giáo viên. - Đọc thuộc lòng bảng công thức 11 trừ đi một số. 	$11-2=9$	$11-5=6$	$11-8=3$	$11-3=8$	$11-6=5$	$11-9=2$	$11-4=7$	$11-7=4$	$11-10=1$
$11-2=9$	$11-5=6$	$11-8=3$								
$11-3=8$	$11-6=5$	$11-9=2$								
$11-4=7$	$11-7=4$	$11-10=1$								
<p>3. HĐ thực hành: (14 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết thực hiện phép trừ dạng $11 - 5$. - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng $11 - 5$. <p>*Cách tiến hành:</p>										
<p>Bài 1 (phần a): Làm việc cá nhân - cả lớp</p> <p>Tính nhẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh đọc yêu cầu. - Yêu cầu học sinh nhẩm nhanh ra kết quả. - Yêu cầu học sinh nhận xét về $9+2$ và $2+9$; mối quan hệ giữa phép cộng $2+9$ và phép trừ $11-9$, $11-2$. - Giáo viên nhận xét chung. <p>Bài 2: Làm việc cá nhân - cặp đôi - cả lớp</p> <p>Tính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu 1 học sinh đọc yêu cầu. - Em thực hiện tính kết quả theo thứ tự nào? - Gọi học sinh lên bảng làm. - Yêu cầu học sinh nêu cách làm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu yêu cầu của bài. - Học sinh nối tiếp nhau nêu kết quả nhẩm. - Học sinh nhận xét. - Lắng nghe. - Học sinh nêu yêu cầu. - Trừ từ phải sang trái. - 3 học sinh lên bảng, dưới lớp làm vào vở. - Học sinh nêu cách tính. 									

<p>- Nhận xét chung.</p> <p>Bài 4: Làm việc cá nhân - cả lớp</p> <p>- Yêu cầu 1 học sinh đọc bài toán.</p> <p>- Gọi 2 học sinh lên bảng.</p> <p>- Giáo viên chấm nhanh bài làm của một số học sinh.</p> <p>- Tổ chức cho học sinh nhận xét bài làm trên bảng.</p> <p>- Giáo viên nhận xét chung.</p> <p><i>Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT</i></p> <p>🔴 Bài tập PTNL:</p> <p>Bài tập 1 (M3): Yêu cầu học sinh tự làm bài rồi báo cáo kết quả.</p> <p>Bài tập 3 (M4): Yêu cầu học sinh tự làm bài rồi báo cáo kết quả.</p>	<p>- Lắng nghe.</p> <p>- 1 học sinh đọc bài toán.</p> <p>- 2 học sinh lên bảng, 1 em tóm tắt, 1 em giải toán.</p> <p><i>*Dự kiến ND bài giải của HS:</i> Số quả bóng của Bình còn lại là: $11 - 4 = 7$ (quả) Đ/S: 11 quả bóng</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- Bài 1b: Học sinh tự làm rồi báo cáo kết quả với giáo viên:</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>$11-1-5=5$</td> <td>$11-1-9=1$</td> <td>$11-1-3=7$</td> </tr> <tr> <td>$11-6=5$</td> <td>$11-10=1$</td> <td>$11-4=7$</td> </tr> </table> <p>- Bài 3: Học sinh làm bài rồi báo cáo kết quả với giáo viên:</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>a) 4</td> <td>b) 2</td> <td>c) 8</td> </tr> </table>	$11-1-5=5$	$11-1-9=1$	$11-1-3=7$	$11-6=5$	$11-10=1$	$11-4=7$	a) 4	b) 2	c) 8
$11-1-5=5$	$11-1-9=1$	$11-1-3=7$								
$11-6=5$	$11-10=1$	$11-4=7$								
a) 4	b) 2	c) 8								
<p>4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</p> <p>- Gọi 1 học sinh đọc thuộc lại bảng trừ: 11 trừ đi một số.</p> <p>- Giáo viên nhận xét tiết học, tuyên dương học sinh tích cực.</p>										
<p>5.HĐ sáng tạo: (2 phút)</p> <p>- Giải bài toán sau: Mẹ mua 11 quả cam. Mẹ đem sang biếu ông bà nội 6 quả cam. Mẹ còn để ở nhà bao nhiêu quả cam?</p> <p>- Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Làm lại các bài tập sai. Xem trước bài: 31 - 5</p>										

THỦ CÔNG:

GẤP THUYỀN PHẪNG ĐÁY CÓ MUI (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết cách gấp thuyền phẳng đáy có mui.
- Gấp được thuyền phẳng đáy có mui. Các nếp gấp tương đối phẳng, thẳng
- Với học sinh khéo tay: Gấp được thuyền phẳng đáy có mui. Hai mui thuyền cân đối. Các nếp gấp phẳng thẳng.

2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh đôi bàn tay khéo léo. Các nếp gấp tương đối thẳng, phẳng.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh hứng thú và yêu thích gấp hình.

***THGSDTKNL&HQ:** Khi di chuyển thuyền ta có thể dùng sức gió hoặc gắn thêm mái chèo. Khi sử dụng thuyền máy cần tiết kiệm xăng dầu.

4.Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Phát triển bản thân; Tự tìm tòi và khám phá đồ vật; Vận dụng kiến thức vào thực tiễn; Thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên:
 - + Một *thuyền phẳng đáy có mũi* bằng giấy thủ công khổ to.
 - + Quy trình gấp *thuyền phẳng đáy có mũi*, giấy thủ công.
- Học sinh: Giấy thủ công, bút màu.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não.
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
<ul style="list-style-type: none">- TBVN cho lớp hát bài: <i>Đôi bàn tay khéo léo</i>- Kiểm tra đồ dùng học tập phục vụ tiết học.- Giới thiệu bài mới - ghi bài lên bảng.	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh hát.- Học sinh báo cáo- Học sinh quan sát
2. HĐ thực hành: (25 phút) *Mục tiêu: Học sinh gấp được <i>thuyền phẳng đáy có mũi</i> . Các nếp gấp tương đối thẳng, phẳng. *Cách tiến hành: HĐ cả lớp	
<ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu học sinh nhắc lại các bước. - Gọi 2 học sinh lên thực hiện các thao tác gấp thuyền.- Tổ chức thực hành theo nhóm.-GV trợ giúp nhóm HS còn lúng túng Lưu ý: <i>Quan sát, theo dõi và giúp đỡ các đối tượng MI để hoàn thành sản phẩm</i>	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh nhắc lại các bước:<ul style="list-style-type: none">+ Bước 1: Gấp tạo mũi thuyền.+ Bước 2: Gấp các nếp gấp cách đều.+ Bước 3: Gấp tạo thân và mũi thuyền.+ Bước 4: Tạo thuyền phẳng đáy có mũi.- Học sinh xung phong lên thực hiện lại các thao tác gấp thuyền.- Cả lớp thực hành theo nhóm-HS chia sẻ cách gấp với bạn-Các nhóm trình bày sản phẩm trên bảng.
3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút) <ul style="list-style-type: none">- HS nêu lại các bước gấp thuyền phẳng đáy có mũi- Trưng bày và đánh giá sản phẩm.- Cho học sinh đánh giá sản phẩm.- Giáo viên kết luận chung. Tuyên dương nhóm và cá nhân làm tốt, có sáng tạo.- Giáo dục học sinh biết cách sử dụng tiết kiệm năng lượng.	
4. HĐ sáng tạo: (2 phút)	